

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2022/DS-ST**

Ngày 11 - 8 - 2022

V/v Kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Viết Chân, ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2022/TLST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST- DS, ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Trên cơ sở hàng xóm quen biết nên bà N có cho bà L vay nhiều lần tiền và nợ tiền cà phê, qua nhiều năm, sau đó hai bên chốt lại bằng giấy nhận nợ ngày 24/12/2016 thể hiện bà Phan Thị L còn nợ của bà N số tiền 94.860.000 đồng (chín mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó 71.030.000 đồng tiền nợ vay, 23.830.000 đồng tiền nợ cà phê; lãi suất 2%/tháng. Thỏa thuận miệng là cuối năm 2017 bà L sẽ trả nợ. Các lần vay tiền bà N chỉ nghe bà L nói vay về sử dụng cá nhân, còn sử dụng vào việc gì thì không rõ. Quá thời hạn trên đã lâu nhưng bà L không chịu trả nợ, bà L cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác nhưng vẫn không chịu trả.

Nay bà N yêu cầu bà Phan Thị L có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 94.860.000 đồng (chín mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng), về lãi suất không yêu cầu. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Phan Thị L trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên bà L thường xuyên bán cà phê nhân cho bà Nguyễn Thị N. Hình thức bán cà phê là bà L chốt giá cà phê, lấy tiền trước sau đó sẽ giao cà phê sau, việc mua bán chốt giá hàng năm và chốt không quá 1 tấn/1 vụ, việc mua bán từ năm 2013 trở về trước thì hai bên không nợ nần gì nhau. Mùa vụ năm 2014 bà L có ra chốt cà phê nhân và nhận tiền của bà N (bà L không nhớ cụ thể ngày tháng cũng như số tiền nhận chốt cà phê), sau khi giao cà phê thì xác nhận bà L còn nợ lại 03 tạ cà phê nhân (giá không nhớ), các bên không viết giấy tờ. Mùa vụ năm 2015 thì không nợ gì, bà L chỉ mang cà phê nhân ra bán và lấy tiền. Ngoài ra, bà L còn nợ tiền cám gạo, cụ thể bao nhiêu kg và thành tiền bao nhiêu thì không nhớ. Mùa vụ 2016 bà L cũng bán cà phê cho bà N và lấy tiền chứ không nợ nần gì tiền bán cà phê nhân cho bà N. Sau đó, bà N tính toán kiểu gì bà L không biết chỉ bảo ký thì bà L ký, bà L chỉ thấy bà N ghi một danh sách nợ chứ không đọc.

Đối với giấy nhận nợ ngày 24/12/2016 mà bà N khởi kiện cụ thể: Nợ trước 71.030.000 đồng và tiền nợ cà phê 23.830.000 đồng. Tổng cộng là 94.860.000 đồng. Nay bà N khởi kiện số tiền trên thì bà L không đồng ý, bởi vì: Bà L xác định có nợ của bà N 23.830.000 đồng tiền cà phê và một số tiền cám gạo, cụ thể không nhớ. Nay bà L đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N chứ không đồng ý trả 94.860.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà N. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà L chỉ đồng ý trả cho bà N 23.830.000 đồng tiền nợ cà phê.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 166, Điều 280, khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N: Buộc bà Phan Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 94.860.000 đồng (chín mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Kiện đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc buộc bà Phan Thị L phải trả cho bà N số tiền 94.860.000 đồng theo giấy ghi nợ ngày 24/12/2016, HĐXX xét thấy: Theo nội dung giấy ghi nợ ngày 24/12/2016 thể hiện bà L còn nợ của bà N số tiền 94.860.000 đồng, theo bà N trình bày trong số tiền trên có 71.030.000 đồng tiền nợ vay, 23.830.000 đồng nợ tiền cà phê; bị đơn bà Phan Thị L chỉ đồng ý với số tiền nợ cà phê là 23.830.000 đồng và có nợ tiền mua cám nhưng không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu, còn số tiền nợ vay 71.030.000 đồng thì bà L không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu nhưng bị đơn bà Phan Thị L không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ xem xét.

Đối với giấy ghi nợ ngày 24/12/2016 do bà Phan Thị L không thừa nhận việc có vay và ký tên vào giấy ghi nợ trên. Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết của bà Phan Thị L trong giấy ghi nợ ngày 24/12/2016. Tại bản kết luận giám định số 75/KL-KTHS ngày 02/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ viết tên “Phan Thị L (Luận)” trong giấy ghi nợ ngày 24/12/2016 là do bà L viết ra. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ngày 24/12/2016 bà L còn nợ của bà N số tiền 94.860.000 đồng.

Sau khi chốt số nợ trên đến nay các đương sự đều xác định bà L chưa trả cho bà N được khoản tiền nào, như vậy việc bà L không trả nợ cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà N khởi kiện yêu cầu bà L trả cho bà N 94.860.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 166, Điều 280, khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Đối với việc các bên thỏa thuận trong giấy ghi nợ việc tính lãi suất khoản tiền trên với mức lãi suất 2%/tháng là cao hơn so với quy định của pháp luật 20%/năm (1,66%/tháng). Tuy nhiên, sau khi chốt số nợ trên bà L chưa trả được khoản tiền lãi nào. Mặc khác, theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không yêu cầu xem xét đến khoản tiền lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị L phải chịu 3.200.000 đồng (ba triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định chữ viết. Bà L đã nộp đủ và chi phí xong.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị L phải chịu 94.860.000 đồng x 5% = 4.743.000 đồng (bốn triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 160, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 280, khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N:

Buộc bà Phan Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 94.860.000 đồng (chín mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bà Phan Thị L phải chịu 3.200.000 đồng (ba triệu, hai trăm nghìn đồng) chi phí giám định chữ viết. Bà L đã nộp đủ và chi phí xong.

3. Về án phí: Bà Phan Thị L phải chịu 4.743.000 đồng (bốn triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà Nguyễn Thị N 2.371.500 đồng (hai triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0009902 ngày 29/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Vũ Đình Nam